

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CP
THỦY ĐIỆN
VĨNH SƠN -
SÔNG HINH

Digitally signed by CÔNG TY CP
THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG
HINH
DN: C=VN, S=BÌNH ĐỊNH, L=TP.
Quy Nhơn, CN=CÔNG TY CP
THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG
HINH,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:4100562786
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2021-04-01 08:26:40
Foxit Reader Version: 9.0.1



Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 34

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 26 tháng 2 năm 2021.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư ("GCNĐT") số 38121000021 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum hiện đang trong quá trình nghiệm thu và bàn giao để đi vào vận hành chính thức. Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, tổ máy 1 của Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đã hòa lưới điện quốc gia.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Minh Tuấn	Trưởng ban	
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên	
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Quang Toàn	Thành viên	từ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Hoàng Anh Tuấn
Ông Dương Tấn Tường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61359032/22012133

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1



Dương Thị Nữ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3796-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		361.946.083.107	438.830.164.133
110	I. Tiền		14.871.017.319	70.813.577.541
111	1. Tiền	4	14.871.017.319	70.813.577.541
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		35.000.000.000	35.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.1	35.000.000.000	35.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		210.311.651.429	217.713.503.727
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	94.021.439.850	105.342.032.402
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	109.737.150.920	106.386.593.429
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.553.060.659	5.984.877.896
140	IV. Hàng tồn kho	8	100.662.618.952	105.397.953.687
141	1. Hàng tồn kho		100.662.618.952	105.397.953.687
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	14	1.100.795.407	9.905.129.178
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	7.315.059.440
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.100.795.407	2.590.069.738
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.326.032.088.941	8.619.069.643.620
220	I. Tài sản cố định		509.655.297.406	564.716.230.954
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	509.655.297.406	564.716.230.954
222	Nguyên giá		3.117.739.083.956	3.089.382.605.688
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.608.083.786.550)	(2.524.666.374.734)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		8.803.678.481.965	8.032.694.546.319
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	8.803.678.481.965	8.032.694.546.319
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12.2	1.000.000.000	10.812.957.192
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.000.000.000	1.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		-	9.812.957.192
260	IV. Tài sản dài hạn khác		11.698.309.570	10.845.909.155
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.416.328.012	333.562.121
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	25.3	518.657.708	343.151.204
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	9.763.323.850	10.169.195.830
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.687.978.172.048	9.057.899.807.753

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.346.368.936.715	5.899.869.571.301
310	I. Nợ ngắn hạn		1.350.223.074.051	942.623.114.907
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	361.602.803.930	367.143.719.397
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.121.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	99.568.437.043	28.516.371.757
314	4. Phải trả người lao động		6.247.879.904	812.549.782
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	96.523.384.511	115.764.624.327
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	6.036.693.264	12.466.917.510
320	7. Vay ngắn hạn	17	771.603.359.562	413.965.815.224
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	6.519.515.837	3.953.116.910
330	II. Nợ dài hạn		4.996.145.862.664	4.957.246.456.394
338	1. Vay dài hạn	17	4.996.145.862.664	4.957.246.456.394
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.341.609.235.333	3.158.030.236.452
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	3.341.609.235.333	3.158.030.236.452
411	1. Vốn cổ phần		2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.332.468.038	6.332.468.038
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		356.373.490.000	356.373.490.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		888.829.537.295	705.250.538.414
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		698.121.558.414	544.183.094.117
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		190.707.978.881	161.067.444.297
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.687.978.172.048	9.057.899.807.753

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	340.236.394.903	400.151.185.767
11	2. Giá vốn hàng bán	21, 24	(203.632.096.703)	(202.842.928.589)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		136.604.298.200	197.308.257.178
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	125.509.170.255	9.828.871.339
22	5. Chi phí tài chính	22	(1.251.453.330)	(5.007.952.598)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.251.453.330)	(1.250.360.383)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 24	(22.691.112.404)	(22.471.663.226)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		238.170.902.721	179.657.512.693
31	8. Thu nhập khác		660.000.002	2.927.272.729
32	9. Chi phí khác		(743.575.438)	(2.494.384.362)
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác		(83.575.436)	432.888.367
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		238.087.327.285	180.090.401.060
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(47.554.854.908)	(18.504.299.055)
52	13. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	25.3	175.506.504	(518.657.708)
60	14. Lợi nhuận thuần sau thuế		190.707.978.881	161.067.444.297

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc



Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		238.087.327.285	180.090.401.060
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	83.417.411.816	82.158.362.920
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.216.043.489)	930.532.988
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(124.069.089.966)	(7.043.453.125)
06	Chi phí lãi vay	22	1.251.453.330	1.250.360.383
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		197.471.058.976	257.386.204.226
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		19.419.812.053	(44.756.061.217)
10	Giảm hàng tồn kho		405.871.980	73.372.814
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		38.659.698.739	(117.800.796)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.082.765.891)	789.399.700
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.235.637.499)	(645.590.346)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.504.299.055)	(14.280.324.650)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.110.480.334)	(8.981.137.196)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		235.023.258.969	189.468.062.535
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(821.956.284.767)	(1.043.765.474.270)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(280.652.098.185)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		-	323.652.098.185
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		130.578.457.434	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức		3.440.521.231	8.345.949.016
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(687.937.306.102)	(992.419.525.254)

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	17		
34	Tiền vay nhận được	17	623.294.882.663	804.863.914.572
	Tiền chi trả nợ gốc vay		(226.323.395.752)	(88.137.135.128)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		396.971.486.911	716.726.779.444
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(55.942.560.222)	(86.224.683.275)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		70.813.577.541	157.038.260.816
70	Tiền cuối năm	4	14.871.017.319	70.813.577.541

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc



Ngày 31 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 26 tháng 2 năm 2021.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh. Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư ("GCNĐT") số 38121000021 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum hiện đang trong quá trình nghiệm thu và bàn giao để đi vào vận hành chính thức. Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, tổ máy 1 của Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đã hòa lưới điện quốc gia.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 236 (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 244).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.2. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng, vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 988.276.990.944 VND.

Tuy nhiên, Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum hiện đang trong quá trình nghiệm thu và bàn giao để đi vào vận hành chính thức. Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, tổ máy 1 của Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đã hòa lưới điện quốc gia và đồng thời, các cổ đông lớn của Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh, công ty mẹ của Công ty TNHH Năng lượng REE là cổ đông lớn của Công ty và Tổng Nhóm Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần, đã cam kết có đủ khả năng và sẽ tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính để Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong mười hai (12) tháng tiếp theo. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập kế hoạch kinh doanh cho mười hai (12) tháng tới bao gồm dòng tiền dự kiến thu về từ hoạt động của ba nhà máy thủy điện cũng như sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông lớn. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục hoàn toàn phù hợp.

Vì vậy, báo cáo tài chính riêng không bao gồm các bút toán điều chỉnh có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ và dụng cụ, vật liệu - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
xây dựng cơ bản

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ với giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

► Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

► Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Nghị quyết Số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội Cổ đông Số 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đã phê duyệt mức trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 27.661.280.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán Điện, thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	720.592.301	902.891.865
Tiền gửi ngân hàng	14.150.425.018	69.910.685.676
TỔNG CỘNG	14.871.017.319	70.813.577.541

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 26)	93.771.439.850	105.067.032.402
Phải thu từ khách hàng khác	250.000.000	275.000.000
TỔNG CỘNG	94.021.439.850	105.342.032.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng		
Tỉnh Kon Tum	47.512.098.859	46.691.809.239
Andritz Hydro GmbH	32.531.042.872	28.153.692.711
Khác	29.694.009.189	31.541.091.479
TỔNG CỘNG	109.737.150.920	106.386.593.429

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi	1.437.780.822	1.574.712.329
Phải thu người lao động	686.432.026	2.739.708.880
Tạm ứng	650.422.000	268.000.000
Khác	3.778.425.811	1.402.456.687
TỔNG CỘNG	6.553.060.659	5.984.877.896

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật liệu xây dựng cơ bản (*)	100.662.618.952	102.604.198.407
Công cụ, dụng cụ	-	2.793.755.280
TỔNG CỘNG	100.662.618.952	105.397.953.687

(*) Vật liệu xây dựng cơ bản chủ yếu bao gồm thiết bị phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị là 56.556.617.939 VND (31 tháng 12 năm 2019: 56.556.617.939 VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.071.063.631.854	971.636.139.412	36.968.488.625	9.714.345.797	3.089.382.605.688
Mua trong năm	-	15.962.460.176	-	85.984.000	16.048.444.176
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ đang	12.308.034.092	-	-	-	12.308.034.092
Số cuối năm	2.083.371.665.946	987.598.599.588	36.968.488.625	9.800.329.797	3.117.739.083.956
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	101.198.002.087	845.854.993.191	25.354.524.257	3.182.275.740	975.589.795.275
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	1.585.817.774.787	905.846.859.872	29.174.299.278	3.827.440.797	2.524.666.374.734
Khấu hao trong năm	66.415.781.532	14.924.757.396	1.795.875.041	280.997.847	83.417.411.816
Số cuối năm	1.652.233.556.319	920.771.617.268	30.970.174.319	4.108.438.644	2.608.083.786.550
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	485.245.857.067	65.789.279.540	7.794.189.347	5.886.905.000	564.716.230.954
Số cuối năm	431.138.109.627	66.826.982.320	5.998.314.306	5.691.891.153	509.655.297.406

Công ty đã sử dụng một phần tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 160.876.268.256 VND (31 tháng 12 năm 2019: 184.643.207.424 VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (Thuyết minh số 17).

Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản tại Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành, với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 166.445.958.119 VND (Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	8.702.032.508.082	7.923.750.613.702
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 (ii)	98.308.623.045	98.047.075.772
Khác	3.337.350.838	10.896.856.845
TỔNG CỘNG	8.803.678.481.965	8.032.694.546.319

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc hai (2) Xã Đăk Kôi, Huyện Kon Rẫy và Xã Đăk Tăng, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lồ tại Xã Đăk Tăng và Xã Ngọc Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum. Dự án đã được chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32/EVN/HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2006 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty đã được phê duyệt cho phép đầu tư dự án này theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 1 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ với công suất lắp máy vào khoảng 240 MW.
- (ii) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định cấp GCNĐT số 35101000062 ngày 7 tháng 11 năm 2007, thuộc Quy hoạch bậc thang thủy điện thượng Sông Côn thuộc tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 có hai (2) hồ chứa, là Hồ Suối Say và Hồ Đak Kron Bun, với công suất lắp máy là 80MW. Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 3 có công suất lắp máy là 30 MW.

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh số 17).

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.032.694.546.319	6.487.360.449.254
Vốn hóa chi phí lãi vay	526.931.197.492	471.429.129.834
Chi phí xây dựng	256.360.772.246	1.073.904.967.231
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.308.034.092)	-
Số cuối năm	<u>8.803.678.481.965</u>	<u>8.032.694.546.319</u>

11. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ là trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

12.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 6,3%/năm.

Công ty đã thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng này để ngân hàng cấp bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

12.2. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Đầu tư vào công ty con (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (**)	-	9.812.957.192
TỔNG CỘNG	1.000.000.000	10.812.957.192

(*) Vào ngày kết thúc năm tài chính, chi tiết khoản đầu tư vào công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Vốn đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	1.000.000.000	100,00	1.000.000.000	100,00

Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100922968 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

(**) Vào ngày 10 tháng 11 năm 2021, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xuất Nhập khẩu Thịnh Phát với số tiền là 130.901.265.160 VND. Theo đó, lợi nhuận từ việc chuyển nhượng này với số tiền là 120.765.500.242 VND được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh số 20.2) trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 26)	724.584.528	473.059.422
Các bên khác	360.878.219.402	366.670.659.975
- Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR 18G	188.796.692.308	188.796.692.308
- Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Đà 10	54.193.887.947	83.153.460.283
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	39.615.208.626	1.774.724.050
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	16.349.458.626	63.650.303.766
- Khác	61.922.971.895	29.295.479.568
TỔNG CỘNG	361.602.803.930	367.143.719.397

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	(9.905.129.178)	26.301.544.138	(13.165.565.328)	3.230.849.632
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.504.299.055	47.554.854.908	(14.504.299.055)	47.554.854.908
Thuế tài nguyên	4.830.982.646	52.023.139.035	(32.276.026.345)	24.578.095.336
Phí dịch vụ môi trường rừng	5.178.621.456	20.090.032.452	(5.178.621.456)	20.090.032.452
Thuế nhà thầu	-	5.581.253.141	(5.581.253.141)	-
Thuế khác	4.002.468.600	8.856.633.136	(9.845.292.428)	3.013.809.308
TỔNG CỘNG	18.611.242.579	160.407.456.810	(80.551.057.753)	98.467.641.636
Trong đó				
Phải thu	(9.905.129.178)			(1.100.795.407)
Phải trả	28.516.371.757			99.568.437.043

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng	50.073.261.965	45.310.613.745
Chi phí lãi vay	46.450.122.546	70.454.010.582
TỔNG CỘNG	96.523.384.511	115.764.624.327

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng hiệu quả công việc	3.175.739.787	7.587.375.787
Thưởng an toàn điện	-	544.033.000
Khác	2.860.953.477	4.335.508.723
TỔNG CỘNG	6.036.693.264	12.466.917.510

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số đầu năm	Nhận tiền vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
							VND
Ngắn hạn	413.965.815.224	410.000.000.000	(226.323.395.752)	174.224.107.049	(263.166.959)	-	771.603.359.562
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 17.1)	98.600.000.000	410.000.000.000	(30.000.000.000)	(12.000.000.000)	-	-	466.600.000.000
Vay ngân hàng	60.000.000.000	-	(60.000.000.000)	-	-	-	-
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.3)	255.365.815.224	-	(136.323.395.752)	126.224.107.049	(263.166.959)	-	245.003.359.562
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 17.4)	-	-	-	48.000.000.000	-	-	48.000.000.000
Vay bên khác (Thuyết minh số 17.2)	-	-	-	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Dài hạn	4.957.246.456.394	213.294.882.663	-	(174.224.107.049)	(952.876.530)	781.507.186	4.996.145.862.664
Trái phiếu (Thuyết minh số 17.4)	494.837.326.492	199.800.000.000	-	(48.000.000.000)	-	781.507.186	647.418.833.678
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.3)	4.462.409.129.902	13.494.882.663	-	(126.224.107.049)	(952.876.530)	-	4.348.727.028.986
TỔNG CỘNG	5.371.212.271.618	623.294.882.663	(226.323.395.752)	-	(1.216.043.489)	781.507.186	5.767.749.222.226

17.1 Vay các bên liên quan

Chi tiết các khoản vay tín chấp từ các bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	446.600.000.000	Ngày 17 tháng 2 năm 2021	9 - 10
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	20.000.000.000	Ngày 5 tháng 3 năm 2021	6,5
TỔNG CỘNG	466.600.000.000		

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay bên khác

Chi tiết các khoản vay tín chấp từ bên khác như sau:

Bên cho vay

Số cuối năm
(VND)

Ngày đáo hạn

Lãi suất
(%/năm)

Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định

Ngày 31 tháng 1 năm 2021

6,5

12.000.000.000

17.3 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng

Hợp đồng

Số cuối năm
(VND)

Ngày đến hạn

Lãi suất
(%/năm)

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
("BIDV") - Chi nhánh Bình Định (i)

Số 01/2015/HĐTD
với hạn mức 850 tỷ đồng

831.930.914.219

Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021
đến ngày 8 tháng 10 năm 2030

9,1

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
("Vietcombank") - Chi nhánh Kon Tum (i)

Số 01/2017/HĐTD
với hạn mức 600 tỷ đồng

588.500.000.000

Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021
đến ngày 8 tháng 10 năm 2030

8,6

Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai (i)

Số 01/2015/HĐTD
với hạn mức 400 tỷ đồng

682.498.146.384

Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021
đến ngày 13 tháng 7 năm 2030

9,1

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí
Minh ("HDBank") - Chi nhánh Hiệp Phú (i)

Số 04/2015/HĐTD
với hạn mức 950 tỷ đồng

489.500.000.000

Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021
đến ngày 13 tháng 7 năm 2030

8,6

Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") -
Chi nhánh Bình Định (i)

Số 01/2015/HĐTD
với hạn mức 950 tỷ đồng

388.499.562.524

Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021
đến ngày 26 tháng 9 năm 2030

9,1

10 - 10,25

9,9 - 10,18

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.3 Vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo):

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich (ii)	626.117.971.285	26.999.482	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2029	LIBOR thời hạn 6 tháng + 2,97%	Bảo lãnh từ BIDV - Chi nhánh Bình Định từ khoản thế chấp tiền gửi tiết kiệm 35 tỷ VND (Thuyết minh số 12.1)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ (iii)	110.465.144.950	4.775.632	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 đến ngày 1 tháng 6 năm 2035	Phí dịch vụ 0,75% và phí quản lý 0,2%	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh, trị giá 160.876.268.256 VND (Thuyết minh số 9)

TỔNG CỘNG

4.593.730.388.548 **31.775.114**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 245.003.359.562
Vay dài hạn 4.348.727.028.986

- (i) Những khoản vay này nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA giữa Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV - Chi nhánh Bình Định, Vietcombank - Chi nhánh Kon Tum, ACB - Chi nhánh Bình Định, HDBank - Chi nhánh Hiệp Phú và Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai, trong đó, BIDV - Chi nhánh Bình Định giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản đảm bảo, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Ngoài ra, BIDV - Chi nhánh Bình Định còn ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2014/HĐBL/BIDV-VSH để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich với tổng số tiền bảo lãnh tối đa không vượt quá 30.634.865,8 USD.
- (ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH.
- (iii) Đây là khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Quỹ Phát triển Bắc Âu ("NDF"). Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã nhận bàn giao khoản vay này từ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam khi thực hiện cổ phần hoá thông qua hợp đồng tín dụng số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ). Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.4 Trái phiếu

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày như sau:

	Giá trị VND
VSH_BOND_2019 (Thuyết minh số 26)	700.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(5.553.883.638)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	972.717.316
TỔNG CỘNG	695.418.833.678
Trong đó:	
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	48.000.000.000
Trái phiếu dài hạn	647.418.833.678

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2019 đến ngày 26 tháng 6 năm 2020, Công ty đã phát hành 700 trái phiếu không chuyển đổi với tổng giá trị 700 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu). Các trái phiếu này được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn (Thuyết minh số 9).

Công ty cam kết mua lại số lượng trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo kế hoạch như sau:

- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành;
- 24% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành;
- 30% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bảy mươi hai (72) tháng kể từ ngày phát hành; và
- 30% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn tám mươi bốn (84) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để đầu tư Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

Các trái phiếu nêu trên đã được Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh thu xếp phát hành.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước VND
Số đầu năm	3.953.116.910	9.781.011.450
Trích từ lợi nhuận sau thuế	6.232.980.000	3.560.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(4.110.480.334)	(9.567.267.673)
Các nguồn tăng khác	443.899.261	179.373.133
Số cuối cuối năm	6.519.515.837	3.953.116.910

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Năm trước:						
Số đầu năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	548.639.094.117	3.001.418.792.155
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	161.067.444.297	161.067.444.297
Thù lao, thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(896.000.000)	(896.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Khác	-	-	-	-	(1.060.000.000)	(1.060.000.000)
Số cuối năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	705.250.538.414	3.158.030.236.452
Năm nay:						
Số đầu năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	705.250.538.414	3.158.030.236.452
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	190.707.978.881	190.707.978.881
Thù lao, thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	(896.000.000)	(896.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(5.432.980.000)	(5.432.980.000)
Khác (*)	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Số cuối năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	888.829.537.295	3.341.609.235.333

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 1069/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty TNHH Năng lượng REE	1.021.389.100.000	49,52	-	0,00
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần Samarang Ucits - Samarang Asian Prosperity	630.169.480.000	30,55	630.169.480.000	30,55
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	203.672.200.000	9,88	203.672.200.000	9,88
Các cổ đông khác	-	0,00	1.019.764.300.000	49,45
	207.181.680.000	10,05	208.806.480.000	10,12
TỔNG CỘNG	2.062.412.460.000	100,00	2.062.412.460.000	100,00

19.3 Cổ phiếu

	Số đầu năm Số lượng	Số cuối năm Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	206.241.246 206.241.246	206.241.246 206.241.246
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	206.241.246 206.241.246	206.241.246 206.241.246

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (vào ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	340.236.394.903	400.151.185.767

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	120.765.500.242	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.334.029.724	4.134.997.428
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.440.080.289	2.785.418.214
Cổ tức và lợi nhuận được chia	969.560.000	2.908.455.697
TỔNG CỘNG	125.509.170.255	9.828.871.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản xuất điện	<u>203.632.096.703</u>	<u>202.842.928.589</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.251.453.330	1.250.360.383
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	3.757.592.215
TỔNG CỘNG	<u>1.251.453.330</u>	<u>5.007.952.598</u>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	14.255.049.752	13.707.038.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.653.526.662	1.974.911.088
Chi phí vật liệu quản lý	692.916.833	873.972.996
Chi phí khấu hao	577.284.970	604.367.875
Thuế, phí và lệ phí	405.995.574	503.616.033
Chi phí khác	4.106.338.613	4.807.756.447
TỔNG CỘNG	<u>22.691.112.404</u>	<u>22.471.663.226</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao	82.751.254.540	81.490.844.533
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	79.582.027.487	79.471.118.608
Chi phí lương	38.990.910.722	37.689.855.577
Chi phí nguyên vật liệu	7.031.776.882	7.757.410.707
Chi phí sửa chữa và bảo trì tài sản cố định	5.185.451.573	5.696.522.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.037.569.394	3.855.562.876
Chi phí khác	8.744.218.509	9.353.277.370
TỔNG CỘNG	<u>226.323.209.107</u>	<u>225.314.591.815</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định số 164/2003/ND-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2005) và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	47.554.854.908	18.504.299.055
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(175.506.504)	518.657.708
TỔNG CỘNG	47.379.348.404	19.022.956.763

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	238.087.327.285	180.090.401.060
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	47.617.465.457	36.018.080.212
<i>Điều chỉnh:</i>		
Cổ tức nhận được	(193.912.000)	(581.691.139)
Chi phí không được trừ	131.301.451	894.467.071
Chênh lệch giữa thuế suất ưu đãi và thuế suất phổ thông	-	(17.307.899.381)
Thuế TNDN trích thừa	(175.506.504)	-
Chi phí thuế TNDN	47.379.348.404	19.022.956.763

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

25.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	518.657.708	343.151.204	175.506.504	(518.657.708)

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Vay Lãi vay	378.000.000.000 21.437.265.751	68.600.000.000 3.698.776.045
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	340.236.394.903	400.151.185.767
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con của cổ đông lớn	Vay Lãi vay	20.000.000.000 672.328.768	- -
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	Công ty liên kết đến ngày 10 tháng 11 năm 2020	Vay Cổ tức nhận được Lãi vay	12.000.000.000 969.560.000 770.301.370	- 2.908.455.697 -
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Lãi vay Vay	2.703.287.671 -	3.220.547.945 30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con	Mua dịch vụ	915.848.653	1.484.276.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	93.771.439.850	105.067.032.402
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con	Mua dịch vụ	724.584.528	473.059.422
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Vay	446.600.000.000	68.600.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con của cổ đông lớn	Vay	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Vay	-	30.000.000.000
			466.600.000.000	98.600.000.000
<i>Vay dài hạn</i>				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Trái phiếu	500.000.000.000	500.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn	Trái phiếu	200.000.000.000	-
			700.000.000.000	500.000.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

VND		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị	2.453.450.000	2.264.720.000
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc	2.731.940.000	2.712.560.000
TỔNG CỘNG	5.185.390.000	4.977.280.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM LIÊN QUAN ĐẾN CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết trị giá 263.908.167.989 VND (31 tháng 12 năm 2019: 1.051.081.535.237 VND) chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum.

28. NỢ TIỀM TÀNG

Vụ kiện tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC"), số 76/19 HCM

Vào ngày 11 tháng 4 năm 2019, Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện lại Tổng Công ty Công trình Hydrochina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt Số 18 Trung Quốc ("Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G") do đơn phương chấm dứt hợp đồng tại VIAC.

Vào ngày 5 tháng 7 năm 2019, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G đã đưa ra phản tố và yêu cầu Công ty bồi thường chi phí vụ kiện với tổng số tiền 1 triệu USD ("Phản tố 1").

Vào ngày 15 tháng 11 năm 2019, Công ty đã gửi thông báo rút đơn kiện.

Vào ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G gửi Yêu cầu phản tố sửa đổi bổ sung ("Phản tố 2").

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2020, Hội đồng Trọng tài ("HĐTT") ra phán quyết về thẩm quyền như sau:

- Phản tố 1 đề ngày 5 tháng 7 năm 2019 thuộc thẩm quyền của HĐTT; và
- Phản tố 2 đề ngày 28 tháng 11 năm 2019 không thuộc thẩm quyền của HĐTT.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2020, Công ty đã gửi Đơn khiếu nại lên Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Hà Nội về việc HĐTT quyết định họ có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện đã được Công ty rút lại và yêu cầu Tòa án bác bỏ thẩm quyền của HĐTT.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2020, HĐTT ban hành Lệnh thủ tục số 1 và vào ngày 14 tháng 4 năm 2020, Công ty đã gửi phản đối Lệnh thủ tục số 1 này.

Vào ngày 3 tháng 6 năm 2020, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G gửi Bản tự bảo vệ và yêu cầu phản tố bổ sung.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2020, TAND Hà Nội ban hành Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN, công nhận Hội đồng Trọng tài 76/19 HCM có quyền tiếp tục vụ kiện.

Vào ngày 7 tháng 9 năm 2020, Công ty đã tiếp tục gửi Đơn khiếu nại lên TAND Thành phố Hà Nội về việc HĐTT quyết định họ có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện đã được Công ty rút lại.

Vào ngày 22 tháng 10 năm 2020, Công ty đã gửi đến TAND Thành phố Hà Nội và Viện kiểm sát Nhân dân ("VKSND") Thành phố Hà Nội văn bản đề nghị TAND Thành phố Hà Nội giải thích Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2020, TAND Hà Nội có văn bản giải thích Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN.

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2020, Công ty đã gửi đến HĐTT văn bản không công nhận quyền tài phán của HĐTT.

Vào ngày 7 tháng 1 năm 2021, HĐTT quyết định phiên điều trần được tái dự kiến sẽ diễn ra từ ngày 23 tháng 8 năm 2021 đến ngày 27 tháng 8 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NỢ TIỀM TANG (tiếp theo)

Vụ kiện tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Tỉnh Bình Định

Vào ngày 25 tháng 8 năm 2020, Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện Viện thiết kế Hydrochina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt Số 18 Trung Quốc ("tổ hợp nhà thầu") phải thanh toán cho Công ty với số tiền là 2.320.959.156.044 VNĐ tại TAND Tỉnh Bình Định.

Vào ngày 23 tháng 11 năm 2020, vụ kiện đã được TAND Tỉnh Bình Định thụ lý.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tổn thất từ các vụ kiện này là thấp và theo đó Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài các sự kiện như đề cập tại thuyết minh số 28, vào ngày 26 tháng 2 năm 2021, Công ty đã nhận được GCNĐKDN thay đổi lần thứ 7 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định chấp thuận việc tăng vốn cổ phần từ 2.062.412.460.000 VNĐ lên 2.362.412.460.000 VNĐ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 1927/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Lê Thị Hải Yến
Người lập


Phan Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021